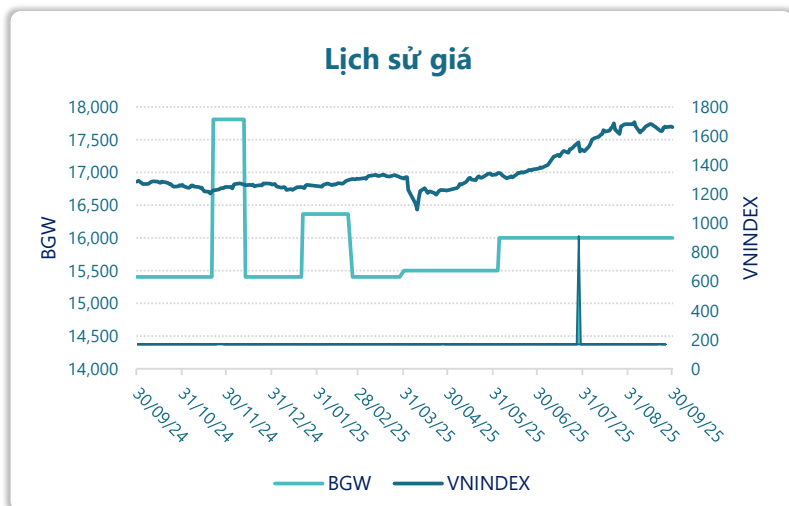


CTCP Nước sạch Bắc Giang (UPCOM: BGW)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,811
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,404
SL cổ phiếu LH	18,149,446
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
P/E	19.7
EPS	812

DT thuần
Q3/25

51.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40 | 2.8%

YoY: ▲ 3.80 | 8.0%

LN sau thuế
Q3/25

4.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.23 | -4.6%

YoY: ▲ 0.61 | 14.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

12.5%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần
9T 2025

148

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0 | 11.1%

LN sau thuế
9T 2025

11.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.28 | 38.1%

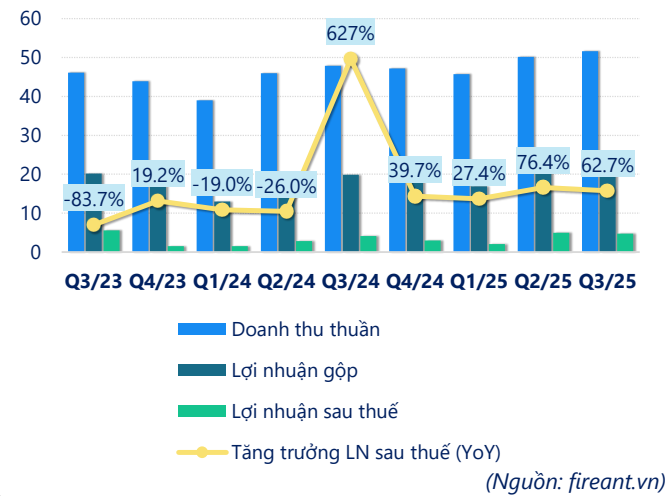
ROE
Q3/25

7.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

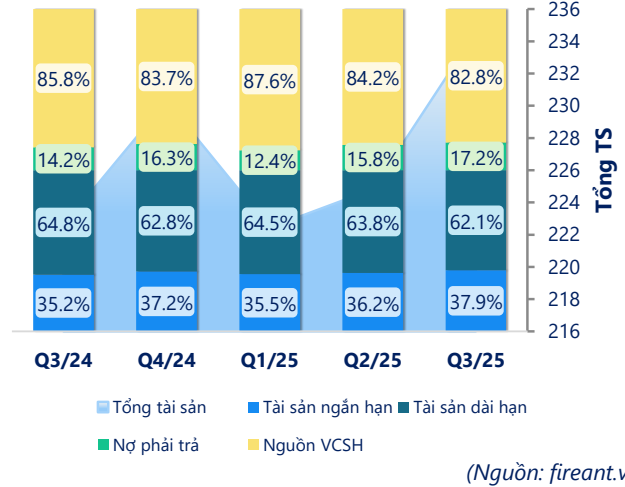
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

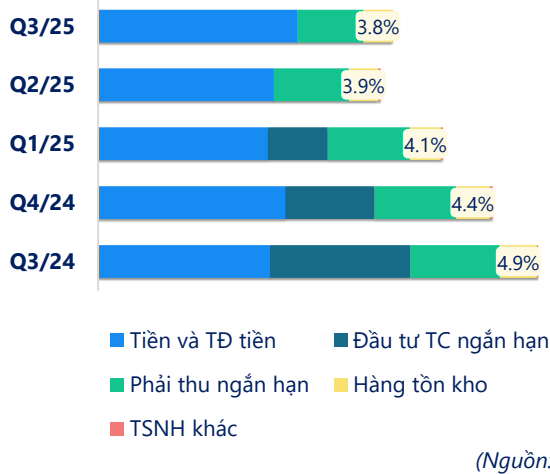


Cơ cấu Tổng tài sản

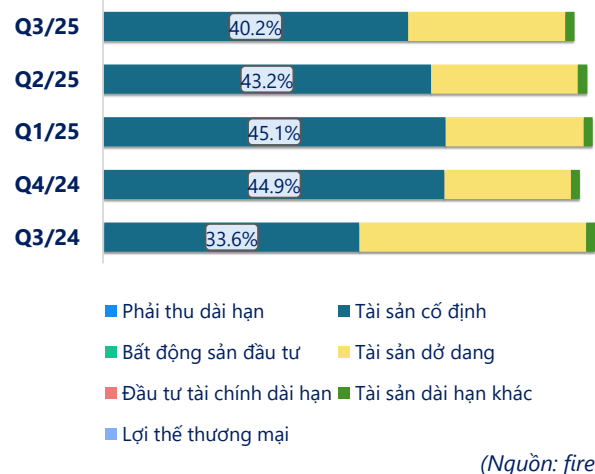
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

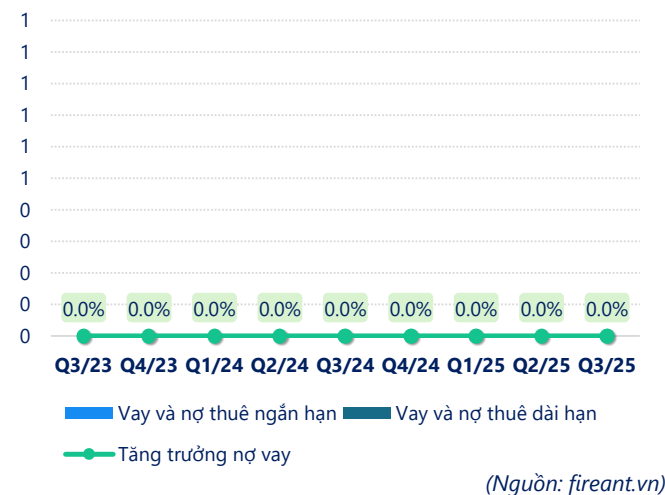


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



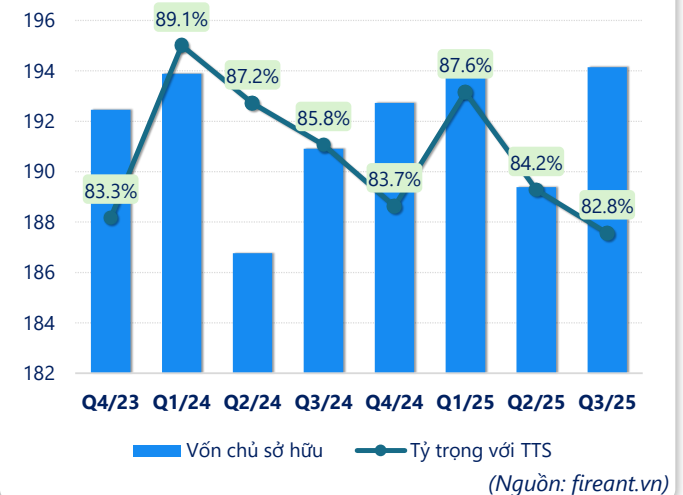
tỷ VNĐ

Nợ vay

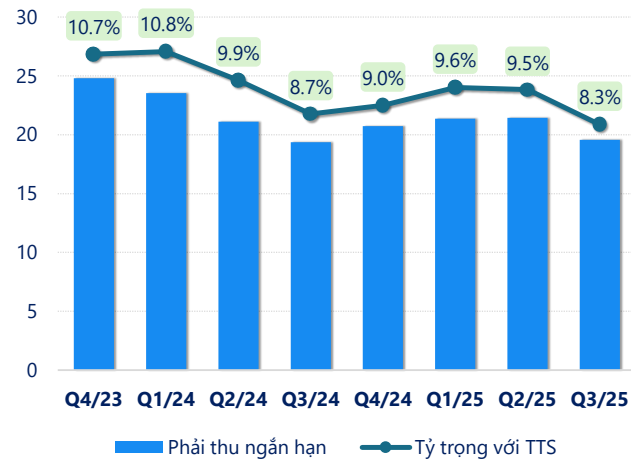


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

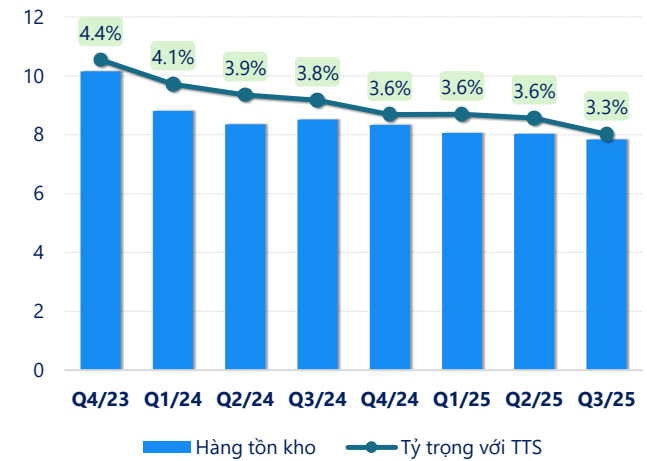


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


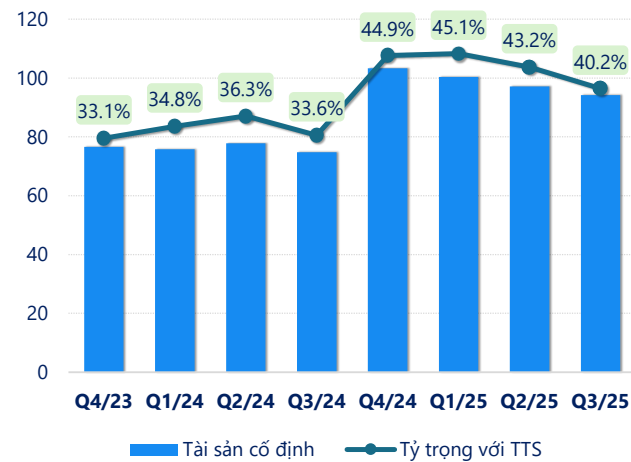
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


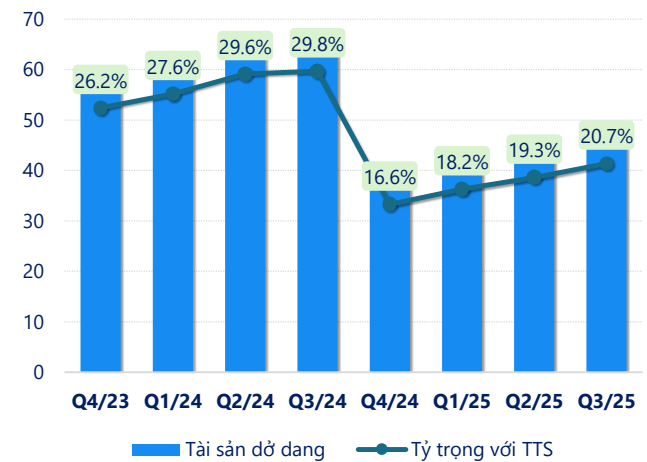
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

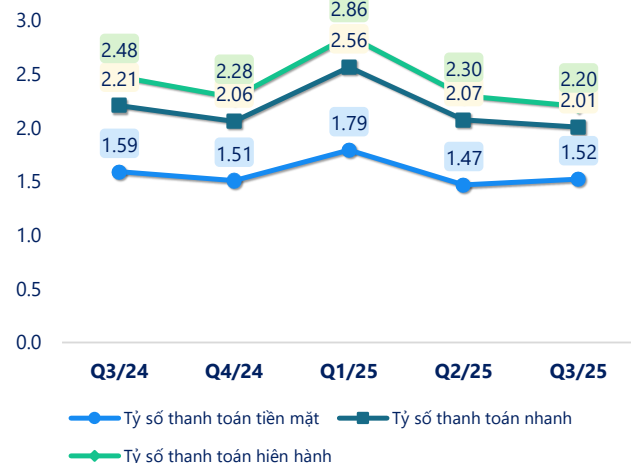
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

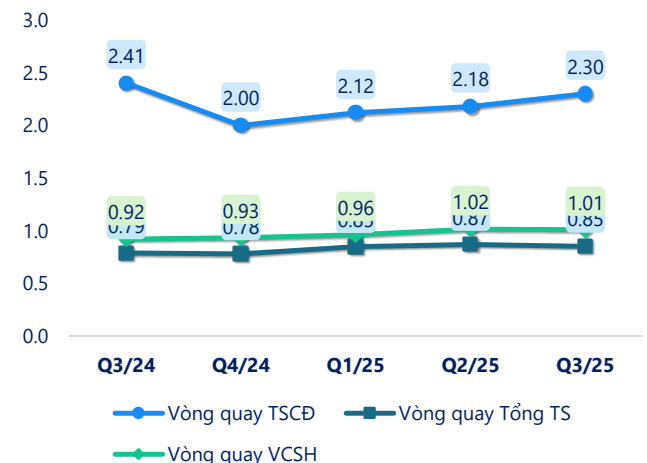
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	223	230	222	225	235
Tài sản ngắn hạn	78.4	85.7	79.0	81.5	89.0
Tiền và tương đương tiền	50.4	56.7	49.6	52.0	61.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	19.4	20.7	21.4	21.4	19.6
Hàng tồn kho	8.51	8.33	8.06	8.02	7.84
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	144	145	143	143	146
Phải thu dài hạn	0.39	0.29	0	0	0
Tài sản cố định	74.7	103	100	97.2	94.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	66.4	38.3	40.4	43.4	48.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.64	2.67	2.65	2.80	2.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	31.7	37.6	27.7	35.4	40.4
Nợ ngắn hạn	31.7	37.6	27.7	35.4	40.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.34	0.63	0.26	2.02	0.08
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	193	195	189	194
Vốn chủ sở hữu	191	193	195	189	194
Vốn điều lệ	181	181	181	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)